Ngữ pháp tiếng Anh: Câu ước với Wish và If only

Wish và if only cũng được dùng khi muốn thể hiện mong ước trong tương lai, hiện tại hay quá khứ giống như 3 loại câu điều kiện.Có 3 loại mệnh đề đi sau WISH và IF ONLY, được dùng để chỉ sự ao ước ở tương lai, hiện tại và quá khứ.

Wish trong tuong lai

Ý nghĩa:

Câu ước ở tương lai dùng để diễn tả những mong ước về một sự việc trong tương lai. Chúng ta sử dụng câu ước ở tương lai với mong muốn ai đó, sự việc gì đó sẽ tốt đẹp hơn trong tương lai.

Cấu trúc

Khẳng định: S+ wish(es) + S+ would + V1Phủ định: S+ wish(es) + S+ wouldn't + V1

IF ONLY + **S** + would/ could + **V** (bare-infinitive)

Ví dụ:

- I wish you wouldn't leave your clothes all over the floor.
- I wish I would be an astronaut in the future.
- If only I would take the trip with you next week.
- If only I would be able to attend your wedding next week.
- I wish they would stop arguing.

Chú ý:

Đối với chủ ngữ ở vế "wish" là chủ ngữ số nhiều, chúng ta sử dụng wish. (Ví dụ: They wish, Many people wish,...). Đối với chủ ngữ ở vế "wish" là chủ ngữ số ít, chúng ta sử dụng wishes. (Ví du: He wishes, the boy wishes,...)

Động từ ở mệnh đề sau ta chia ở dạng nguyên thể vì đứng trước nó là **Modal verbs** would/could.

Wish ở hiện tại

Ý nghĩa:

Câu ước ở hiện tại dùng để diễn tả những mong ước về một sự việc không có thật ở hiện tại, hay giả định một điều ngược lại so với thực tế. Chúng ta dùng câu ước ở hiện tại để ước về điều không có thật ở hiện tại, thường là thể hiện sự nuối tiếc về tình huống hiện tại (regret about present situations).

Cấu trúc:

Khẳng định: S + wish(es) + S + V2/-ed + O (to be: were / weren't)

Phủ định: S + wish(es) + S + didn't + V1

- = IF ONLY + S+ V (simple past)
- Động từ ở mệnh đề sau wish luôn được chia ở thì quá khứ đơn.
- Đông từ BE được sử dung ở dang giải định cách, tức là ta chia BE = WERE với tất cả các chủ ngữ.

Ví dụ:

- If wish I were rich. (But I am poor now).
- I can't swim. I wish I could swim.
- If only she were here. (The fact is that she isn't here).
- We wish that we **didn't have to** go to class today. (The fact is that we have to go to class today).

Wish trong quá khứ

Ý nghĩa:

Câu ước ở quá khứ dùng để diễn tả những mong ước về một sự việc không có thật ở quá khứ, hay giả định một điều ngược lại so với thực tại đã xảy ra ở quá khứ. Chúng ta sử dụng câu ước ở qúa khứ để ước điều trái với những gì xảy ra trong quá khứ, thường là để diễn tả sư nuối tiếc với tình huống ở quá khứ.

Cấu trúc:

Khẳng định: S + wish(es) + S + had + V3/-ed

Phủ định: S + wish(es) + S + hadn't + V3/-ed

= IF ONLY + S + V (P2)

S + WISH + S + COULD HAVE + P2 = IF ONLY+ S + COULD HAVE + P2

Động từ ở mệnh đề sau wish chia ở thì quá khứ hoàn thành.

Ví dụ:

- If only I had gone by taxi. (I didn't go by taxi).
- I wish I hadn't failed my exam last year. (I failed my exam).
- She wishes she **had had** enough money to buy the house. (She didn't have enough money to buy it).
- If only I had met her yesterday. (I didn't meet her).
- She wishes she **could have been** there. (She couldn't be there.)

Các cách sử dụng khác của WISH

Đôi khi người ta còn dùng "wish to" theo cách nói hơi mang tính hình thức để thay cho "want to".

Ví dụ:

I wish to make a complaint.

I wish to see the manager.

Sử dụng "Wish" với một cụm danh từ đứng sau để đưa ra một lời chúc mừng, mong ước.

Ví dụ:

We wish you a merry Christmas.

I wish you all the best in your new job.

Các bạn chú ý nhé, nếu các bạn muốn đưa ra một lời mong ước cho người khác bằng cách sử dụng động từ, các bạn phải dùng "hope" chứ không được sử dụng "wish" nhé.

Ví du:

We wish you the best of luck = We hope you have the best of luck.

I wish you a safe and pleasant journey = I hope you have a safe and pleasant journey.

Phân biệt với wish mang nghĩa "muốn":

wish to do smt (Muốn làm gì)

Why do you wish to see the manager

I wish to make a complaint.

To wish smb to do smt (Muốn ai làm gì)

The government does not wish Dr.Jekyll Hyde to accept a professorship at a foreign university.